

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chuyển tài sản công là cơ sở nhà, đất sang Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp để bố trí cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Phòng Thi hành án dân sự khu vực quản lý, sử dụng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Kết luận số 3574-KL/TU ngày 09/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án bố trí, sắp xếp, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án bố trí, sắp xếp, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-CTUBND ngày 29/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 13564/TTr-STC ngày 15/12/2025 (kèm theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Công văn số 4626/VKSTC-C3 ngày 22/9/2025; đề nghị của Bộ Tư pháp tại Công văn số 6580/BTP-CQLTHADS ngày 17/10/2025; ý kiến của UBND các xã, phường gồm: Lưu Vệ tại Công văn số 924/UBND-KT ngày 29/9/2025, Thọ Xuân tại Công văn số 811/UBND-KT ngày 03/10/2025, Bím Sơn tại Công văn số 1156/UBND-KTHTĐT ngày 30/9/2025, Cẩm Thủy tại Công văn số 1058/UBND-KT ngày 03/10/2025, Thường Xuân tại Công văn số 1448/UBND-KT ngày 21/11/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chuyển tài sản công là cơ sở nhà, đất sang Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp để bố trí cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Phòng Thi hành án dân sự khu vực quản lý, sử dụng.

1. Đơn vị có tài sản điều chuyển: UBND xã Lưu Vệ, UBND xã Thọ Xuân, UBND phường Bím Sơn, UBND xã Cẩm Thủy, UBND xã Thường Xuân.

2. Đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

3. Danh mục tài sản công điều chuyển: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

4. Lý do điều chuyển: Từ nơi thừa sang nơi thiếu theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền quy định và việc điều chuyển tài sản mang lại hiệu quả sử dụng cao hơn theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, UBND các xã, phường: Lưu Vệ, Thọ Xuân, Bím Sơn, Cẩm Thủy, Thường Xuân chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của thông tin, số liệu tài sản, nội dung báo cáo, thẩm định, trình phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Đơn vị đang quản lý tài sản, đơn vị được tiếp nhận tài sản thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản tại Điều 1 Quyết định này; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 02/TSC-BBGH ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ; thực hiện hạch toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định.

3. Đơn vị được tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản hiệu quả, tiết kiệm, đảm bảo theo quy định của pháp luật; đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản theo quy định; thanh toán các chi phí hợp lý có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường: Lưu Vệ, Thọ Xuân, Bim Sơn, Cẩm Thủy, Thường Xuân; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực: 2, 6, 8, 12; Trưởng Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, KTTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng

Phụ lục số 01

**DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG ĐIỀU CHUYỂN TỪ UBND XÃ LƯU VỆ SANG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
ĐỂ BỐ TRÍ CHO VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 2 QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng nhà	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
	Cơ sở nhà, đất là Công sở thị trấn Tân Phong (Quảng Phong cũ)						
I	Đất	m ²	15.450			46.350.000.000	46.350.000.000
II	Tài sản trên đất						
1	Nhà làm việc Công sở xã Quảng Phong	m ²		1.350	2015	8.774.224.000	5.874.742.240
2	Nhà hội trường Công sở xã Quảng Phong	m ²		900	2015	10.145.158.000	5.898.815.823
3	Nhà xe, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh Công sở xã Quảng Phong	m ²		72	2016	856.125.000	399.296.700

Phụ lục số 02

**DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG ĐIỀU CHUYỂN TỪ UBND XÃ THỌ XUÂN SANG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
ĐỂ BỐ TRÍ CHO VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 8 QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng nhà	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
	Cơ sở nhà, đất là Trụ sở UBND thị trấn Thọ Xuân (cũ)						
I	Đất	m ²	5.902			29.507.500.000	29.507.500.000
II	Tài sản trên đất						
1	Nhà làm việc	m ²		1.803	2013	4.108.733.000	2.465.239.800

Phụ lục số 03

**DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG ĐIỀU CHUYỂN TỪ UBND PHƯỜNG BỈM SƠN SANG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
ĐỂ BỔ TRÍ CHO VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 6 QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng nhà	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
	Cơ sở nhà, đất là Trụ sở UBND phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn (cũ)						
I	Đất	m ²	4.901		2010	73.515.000.000	73.515.000.000
II	Tài sản trên đất						
1	Nhà làm việc	m ²		735	2010	3.057.045.000	1.345.099.800

Phụ lục số 04

**DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG ĐIỀU CHUYỂN TỪ UBND XÃ CẨM THỦY SANG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
ĐỂ BỐ TRÍ CHO VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 12 QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng nhà	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
	Cơ sở nhà, đất là Trụ sở Huyện ủy Cẩm Thủy (cũ)						
I	Đất	m ²	8.752		2004	17.514.000.000	17.514.000.000
II	Tài sản trên đất						
1	Trụ sở làm việc Huyện ủy Cẩm Thủy (cũ)	m ²		781,5	2023	21.136.567.000	20.291.104.320
2	Nhà công vụ tại Trụ sở làm việc Huyện ủy Cẩm Thủy (cũ)	m ²		268	2010	1.546.314.000	0
3	Nhà bảo vệ tại Trụ sở làm việc Huyện ủy Cẩm Thủy (cũ)	m ²		36	2010	87.645.000	0
4	Nhà ăn cơ quan tại Trụ sở làm việc Huyện ủy Cẩm Thủy (cũ)	m ²		769	2013	1.622.473.000	736.657.567

Phụ lục số 05
DANH MỤC TÀI SẢN CÔNG ĐIỀU CHUYỂN TỪ UBND XÃ THƯỜNG XUÂN SANG BỘ TƯ PHÁP
ĐỂ BỐ TRÍ CHO THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC 10 QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng nhà	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
	Cơ sở nhà, đất là Trụ sở UBND xã Ngọc Phụng (cũ)						
I	Đất	m ²	6.225		2012	1.072.500.000	1.072.500.000
II	Tài sản trên đất						
1	Nhà làm việc 03 tầng UBND xã Ngọc Phụng	m ²		838,7	2015	6.953.866.000	4.172.139.000
2	Nhà hội trường thuộc Trung tâm Văn hóa Thể thao xã Ngọc Phụng	m ²		496	2015	2.888.672.000	1.154.602.000
3	Nhà để xe	m ²		194,4	2015	2.888.672.000	1.154.602.000